



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TÔ CHÂU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 6 năm 2025

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN TÔ CHÂU**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tô Châu được sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/08/2022;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tô Châu.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tô Châu bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần Tô Châu và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được điều chỉnh bởi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động, mục tiêu của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; đảm bảo hoạt động bình thường, không gây cản trở đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

2. Mọi diễn biến và những thông tin thu thập được trong quá trình giám sát của Ban kiểm soát phải được xem xét, đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra tại chỗ hoặc qua hệ thống thông tin, báo cáo.

3. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cơ quan nhà nước phải được thảo luận tập thể trong Ban kiểm soát có tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị.

4. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình.

5. Mục tiêu hoạt động của Ban kiểm soát là bảo vệ lợi ích của cổ đông, của Công ty, đảm bảo Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Công ty.

Chương II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Cơ cấu và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, gồm có Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán hoặc kiểm toán.

3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm, thành viên Ban kiểm soát có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 4. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty; có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc, Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc.

2. Không được là người quản lý Công ty và là người quản lý tại doanh nghiệp khác, không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp, không phải là doanh nghiệp nhà nước, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty; Chủ tịch Hội đồng quản

trị, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán; Kiểm soát viên khác của Công ty.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 5. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

ĐI
C
C
T
L

2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Dương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Các trường hợp dương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát:

- a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết, bị tòa án có thẩm quyền tuyên bố là bị chết hoặc mất tích;
- b) Đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của tòa án;
- c) Bị trục xuất hoặc cấm nhập cảnh vào lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thành viên Ban kiểm soát dương nhiên bị mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ban kiểm soát phải có văn bản, tài liệu chứng minh cụ thể thông báo cho Hội đồng quản trị và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của văn bản này trước pháp luật.

Điều 8. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Quy chế này và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai về các lợi ích liên quan của mình cho Công ty, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ, trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ, trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) (ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

4. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 10. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo mảng công việc được phân công của từng thành viên trong Ban kiểm soát.

2. Các thành viên Ban kiểm soát căn cứ theo nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm thực hiện chương trình hoạt động của Ban kiểm soát. Mỗi thành viên được phân công chuyên trách một lĩnh vực, có trách nhiệm tham mưu và thực hiện báo cáo hoặc có ý kiến với Trưởng Ban kiểm soát đối với lĩnh vực được phân công. Việc phân công mang tính chất tương đối, mỗi thành viên Ban kiểm soát không chỉ thực hiện kiểm tra, giám sát lĩnh vực được phân công mà còn thực hiện nhiệm vụ kiểm soát các lĩnh vực khác thuộc nhiệm vụ chức năng chung của Ban kiểm soát.

3. Các thành viên có ý kiến với báo cáo tài chính hàng năm, 6 tháng và hàng quý của Công ty, báo cáo của Ban kiểm soát trước Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 11: Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp định kỳ ít nhất hai (02) lần trong một năm do Trưởng Ban kiểm soát triệu tập tại địa điểm trên lãnh thổ Việt Nam. Cuộc họp được coi là họp lệ khi có ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát có mặt.

2. Ban kiểm soát có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Công ty. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của ít nhất 01 thành viên Ban kiểm soát.

3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp bất thường, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp.

400
ÔN
ÔP
C
H

4. Trong trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt thì người được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền bằng văn bản triệu tập cuộc họp của Ban kiểm soát. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt mà không ủy quyền lại thì các thành viên dự họp bầu một người làm chủ tọa cuộc họp.

5. Biểu quyết:

a) Mỗi thành viên ban kiểm soát tham dự cuộc họp sẽ có 01 phiếu biểu quyết. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện quyền biểu quyết này;

b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra tại cuộc họp Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;

c) Biểu quyết đa số, quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt);

d) Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường;

6. Biên bản cuộc họp: Trưởng Ban kiểm soát cử một thành viên lập biên bản cuộc họp, Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát phải có những nội dung sau:

- Ngày, tháng, năm; giờ bắt đầu họp, giờ kết thúc;
- Ghi rõ cuộc họp định kỳ hay bất thường, nếu là bất thường phải ghi rõ lý do, người yêu cầu họp;
- Thành phần tham gia cuộc họp/những người vắng mặt;
- Những nội dung được đưa ra trao đổi;
- Kết luận từng vấn đề.

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng, thông qua ngay sau cuộc họp. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát quản lý biên bản cuộc họp và chỉ cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

5217
GT
HAI
HAI
T. Đ. Đ.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

2. Khi Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt do đi công tác xa, phải ủy quyền cho một thành viên Ban kiểm soát thay mặt Trưởng Ban để duy trì hoạt động thường

xuyên của Ban kiểm soát. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt mà không ủy quyền lại thì các thành viên Ban kiểm soát còn lại cử người trong số họ làm Phụ trách Ban kiểm soát để tạm thời điều hành Ban.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ công ty quy định

4. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tiêu chuẩn khác.

Điều 14. Thành viên Ban kiểm soát

1. Thay thế thành viên Ban kiểm soát:

a) Khi số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác thì phải kiến nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

b) Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu các thành viên mới để thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát:

a) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Công ty và cổ đông;

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát theo quy định;

c) Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường;

d) Kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có;

e) Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên Công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;

f) Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích;

g) Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích;

h) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết;

i) Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

4. Các thành viên Ban kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền thành viên Ban kiểm soát với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật trong trường hợp thông tin được xếp loại mật theo quy định của Công ty và pháp luật. Không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin mật, các văn bản tài liệu và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của Công ty, hoặc các thông tin mà Công ty chưa công bố ra bên ngoài. Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ.

Điều 16. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện (trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác).

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 17. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Mỗi quan hệ của Ban kiểm soát

1. Quan hệ với Đại hội đồng cổ đông:

Ban kiểm soát thực hiện báo cáo cổ đông kết quả giám sát hoạt động của Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cổ đông, Đại hội đồng cổ đông.

2. Quan hệ với Hội đồng quản trị:

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

3. Quan hệ với Ban điều hành và cán bộ quản lý:

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành:

4. Quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát:

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

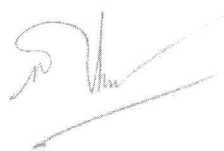
Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tô Châu bao gồm 03 Chương, 19 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến, đề nghị, sửa đổi, bổ sung Quy chế được phản ánh bằng văn bản cho Ban kiểm soát để Ban kiểm soát xem xét quyết định.

3. Các thành viên Ban kiểm soát và các bộ phận, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Phát Thư

BẢNG SO SÁNH
NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CỦA
QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Nội dung dự thảo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
	<i>Điều chỉnh, bổ sung cho đầy đủ, rõ ràng một số nội dung theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và văn, từ, thứ tự, trong dự thảo Quy chế ngày 29/12/2021.</i>
CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Mục đích và phạm vi áp dụng 1. Quy chế này quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc và mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tô Châu 2. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát	CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1: Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng 1. <i>Phạm vi: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần Tô Châu và các quy định khác có liên quan.</i> 2. <i>Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát</i>
Chương II TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA BAN KIỂM SOÁT Điều 5. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử 01 ứng	Chương II TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA BAN KIỂM SOÁT Điều 5. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử

Nội dung dự thảo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
cử viên đề bầu vào Ban kiểm soát. Điều 8. Bối nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Điều 9. Công khai các lợi ích liên quan (Có 03 khoản) Điều 11: Cuộc họp của Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát phải họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần do ... 6. Biên bản cuộc họp của Ban kiểm soát phải được thông qua ngay sau cuộc họp có chữ ký của người ghi biên bản và các thành viên dự họp.	viên đề bầu vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử. Điều 8. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát Điều 9. Công khai các lợi ích liên quan (Có 04 khoản, bổ sung khoản 4) 4. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan. Điều 11: Cuộc họp của Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát phải họp định kỳ ít nhất hai (02) lần trong một năm do 6. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng, thông qua ngay sau cuộc họp. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào

Nội dung dự thảo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
Trưởng Ban kiểm soát quản lý biên bản cuộc họp và chỉ cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Đại hội đồng cổ đông. Điều 13. Trưởng Ban kiểm soát (Có 03 khoản) 3. Trưởng Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau (a); (b);(c);(d) Điều 18. Mối quan hệ của Ban kiểm soát (Có 03 khoản) 2. Quan hệ với Hội đồng quản trị: (a); (b); (c); (d); (e) 3. Quan hệ với Ban điều hành và cán bộ quản lý: (a); (b); (c); (d); (e) ; (f)	<i>biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát quản lý biên bản cuộc họp và chỉ cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Đại hội đồng cổ đông.</i> Điều 13. Trưởng Ban kiểm soát (Có 04 khoản, bổ sung khoản 4) 3. <i>Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ công ty quy định</i> 4. <i>Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tiêu chuẩn khác.</i> Điều 18. Mối quan hệ của Ban kiểm soát (Có 04 khoản, bổ sung khoản 4) 2. Quan hệ với Hội đồng quản trị: <i>Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị</i> 3. Quan hệ với Ban điều hành và cán bộ quản lý: <i>Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành</i> 4. <i>Quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm</i>

Nội dung dự thảo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021	Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
	soát: <i>Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.</i>